Bài 2: Những ước mơ nào giúp ích cho con người

a. Mơ ước cao đẹp
b. Mơ ước hão huyền
c. Mơ ước viển vông
d. Mơ ước chính đáng
e. Mơ ước cao cả
g. Mơ ước bệnh hoạn
h. Mơ ước quái đản
i. Mơ ước lành mạnh

Bài 3: Giải nghĩa các thành ngữ:

a. Được voi đòi tiên
b. Cầu được ước thấy
c. Ước sao được vậy
d. Ước của trái mùa
e. Đứng núi này trông núi nọ
h. Nằm mơ giữa ban ngày.

Đặt câu với mỗi thành ngữ trên.

Bài 4:

"Quê hương là cánh diều biếc
Tuổi thơ con thả trên đồng
Quê hương là con đò nhỏ
Êm đềm khua nước ven sông".

Đọc đoạn thơ trên em thấy được những ý nghĩa và tình cảm của nhà thơ đối với quê hương như thế nào?

B4: Động từ

Bài 1: Gạch dưới động từ trong mỗi cụm từ sau:

a. trông em
b. tưới rau
c. nấu cơm
d. quét nhà
e. học bài
g. làm bài tập
h. xem truyện
i. gấp quần áo

Bài 2: Tìm danh từ, động từ trong các câu văn:

a. Vầng trăng tròn quá, ánh trăng trong xanh toả khắp khu rừng.

b. Gió bắt đầu thổi mạnh, lá cây rơi nhiều, từng đàn cò bay nhanh theo mây.

c. Sau tiếng chuông chùa, mặt trăng đã nhỏ lại, sáng vằng vạc.

Bài 3: Xác định từ loại trong các từ của các câu:

a. Nước chảy đá mòn.

b. Dân giàu, nước mạnh.

Bài 4: Xác định từ loại:

Nhìn xa trông rộng
Nước chảy bèo trôi
Phận hẩm duyên ôi
Vụng chèo khéo chống
Gạn đục khơi trong
Ăn vóc học hay.

Bài 5: Xác định từ loại:

a. Em mơ làm mây trắng
Bay khắp nẻo trời cao
Nhìn non sông gấm vóc

Quê mình đẹp biết bao.

b. Cây dừa xanh toả nhiều tàu
Dang tay đón gió gật đầu gọi trăng.

Bài 6: Tìm danh từ, động từ trong các câu sau:

Trên nương, mỗi người một việc, người lớn thì đánh trâu ra cày. Các cụ già nhặt cỏ, đốt lá. Mấy chú bé đi tìm chỗ ven suối để bắc bếp thổi cơm. Các bà mẹ cúi lom khom tra ngô.

Bài 7: Viết đoạn văn (5 - 7 câu) kể về những việc em làm vào một buổi trong ngày. Gạch dưới các động từ em đã dùng.k

A4: Mở rộng vốn từ: Ý chí - Nghị lực

Bài 1: Tìm các từ:

a. Nói lên ý chí, nghị lực của con người.

b. Nêu những hiện tượng trái với ý chí, nghị lực.

c. Nêu lên những thử thách đối với ý chí, nghị lực của con người.

Bài 2: Xếp các từ tìm được thành 3 loại: danh từ, động từ, tính từ.

Bài 3: Viết 3 - 5 từ phức mở đầu bằng tiếng "quyết" nói về ý chí của con người

Bài 4: Viết (5 - 6) từ có nghĩa trái ngược với ý chí và nghị lực.

Bài 5: Những câu tục ngữ nào nói về ý chí, nghị lực?

a. Một câu nhịn, chín câu lành

b. Lửa thử vàng, gian nan thử sức.

c. Của rề rề không bằng nghề trong tay

d. Nước lã mà vã nên hồ
Tay không mà nổi cơ đồ mới ngan

e. Có vất vả mới thanh nhàn.
Không dưng ai dễ cầm tàn che cho.

g. Chớ thấy sóng cả mà lo
Sóng cả mặc sóng chèo cho có chừng.

Bài 6: Hãy viết một đoạn văn ngắn (5 - 7 câu) nói về người có ý chí, nghị lực nên đã vượt qua thử thách đạt được thành công (có sử dụng từ đã học).

B5: Tính từ

Bài 1: Viết các tính từ sau vào từng cột cho phù hợp: xanh biếc, chắc chắn, tròn xoe, lỏng lẻo, mềm nhũn, xám xịt, vàng hoe, đen kịt, cao lớn, mênh mông, trong suốt, chót vót, tí xíu, kiên cường, thật thà.

A Tính từ chỉ màu sắc	B Tính từ chỉ hình dáng	C Tính từ chỉ tính chất phẩm chất

Bài 2B: Viết tính từ miêu tả sự vật ghi ở cột trái vào mỗi cột phải:

Từ chỉ sự vật	Tính từ chỉ màu sắc của sự vật	Tính từ chỉ hình dáng của sự vật
Cái bút		
Cái mũ		

Bài 3: Gạch dưới những tính từ dùng để chỉ tính chất của sự vật trong đoạn văn:

"Từ trên trời nhìn xuống, phố xá Hà Nội nhỏ xinh như mô hình triển lãm. Những ô ruộng, những gò đống, bãi bờ với những mảng màu xanh, nâu, vàng, trắng và nhiều hình dạng khác nhau gợi những bức tranh giàu màu sắc".

Bài 4: Đánh dấu x vào chỗ trống nêu cách thể hiện mức độ tính chất đặc điểm của mỗi tính từ ở cột trái

Tính từ	Thêm tiếng để tạo ra các TG hoặc TL	Thêm các từ chỉ mức độ (rất, lắm vào trước hoặc sau)	Dùng cách so sánh
hơi nhanh		x	
vội quá			
đỏ cờ			
tím biếc			
mềm vặt			
xanh lá cây			
chầm chậm			
khá xinh			
thẳng tắp			

Chọn 1 từ ở cột trái để đặt câu:

Bài 5: Tìm tính từ trong khổ thơ sau:

"Việt Nam đẹp khắp trăm miền
Bốn mùa một sắc trời riêng đất này
Xóm làng, đồng ruộng, rừng cây
Non cao gió dựng, sông đầy nắng chang.
Sum sê xoài biếc, cam vàng
Dừa nghiêng, cau thẳng, hàng hàng nắng soi"

Bài 6: Hãy tìm 5 từ ghép, 5 từ láy nói về tình cảm, phẩm chất của con người. Đặt 1 câu với một trong số những từ vừa tìm được.

Bài 7: a. Hãy chỉ ra tính từ (nếu có) trong câu sau:

Ngay thềm lăng, mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một đoàn quân danh dự đứng trang nghiêm.

b. Đặt 1 câu trong đó có chủ ngữ là một tính từ.

Bài 8: Hãy tìm 2 từ ghép và 2 từ láy nói về những đức tính của người học sinh giỏi.

Bài 9: a. Tìm 2 từ cùng nghĩa, gần nghĩa và 2 từ trái nghĩa với từ "chăm chỉ". Đặt câu với từ vừa tìm.

b. Tìm 2 từ cùng nghĩa, gần nghĩa và 2 từ trái nghĩa với từ "dũng cảm".

Bài 10: Xác định danh từ, động từ, tính từ trong 2 câu thơ của Bác Hồ:

"Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay
Vượn hót, chim kêu suốt cả ngày".

Bài 11:

"Lời ru có gió mùa thu
Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về
Những ngôi sao thức ngoài kia
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con
Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời"

Theo em, hình ảnh nào góp phần nhiều nhất làm nên cái hay của đoạn thơ. Vì sao?

Ôn tập

Bài 1: a. Điền thêm tiếng (vào chỗ trống) sau mỗi tiếng dưới đây để tạo ra 2 từ ghép có nghĩa phân loại và 2 từ ghép có nghĩa tổng hợp.

làng.....; ăn.....; vui

b. Giải nghĩa câu tục ngữ: "Đói cho sạch, rách cho thơm".

Bài 2: a. Hãy tìm 5 từ ghép, 5 từ láy nói về tình cảm, phẩm chất của con người. Đặt 1 câu với một trong số những từ vừa tìm được ở trên.

b. Tìm 3 cặp từ trái nghĩa nói về việc học hành. Hãy đặt 1 câu với 1 trong 3 cặp từ trái nghĩa ấy.

Bài 3: Tìm những tiếng có thể kết hợp với lễ để tạo thành từ ghép. Tìm từ đồng nghĩa và từ trái nghĩa với từ "lễ phép".

Bài 4: Cho các kết hợp hai tiếng sau: xe đạp, xe máy, xe cộ, máy bay, đạp xe, xe kéo, kéo xe, khoai nướng, khoai luộc, luộc khoai, múa hát, tập hát, tập múa, bánh rán, rán bánh, bánh kẹo.

Hãy:

a. Xác định những kết hợp nào trong các kết hợp trên là từ ghép.

b. Phân loại các từ ghép đó.

Bài 5: "Sầu riêng thơm mùi thơm của mít chín quyện với hương bưởi, béo cái béo của trứng gà, ngọt cái vị của mật ong già hạn".

a. Tìm các tính từ có trong câu văn.

b. Nhận xét về từ loại của các từ "cái béo, mùi thơm".

Bài 6: Hãy tách thành các từ loại (DT, ĐT, TT) trong đoạn thơ sau:

Bút chì xanh đỏ
Em gọt hai đầu

Em thử hai màu
Xanh tươi, đỏ thắm
Em vẽ làng xóm
Tre xanh, lúa xanh
Sông máng lượn quanh
Một dòng xanh mát.

Bài 7: Tìm DT, ĐT, TT có trong khổ thơ sau:

Em mơ làm gió mát
Xua bao nỗi nhọc nhằn
Bác nông dân cày ruộng
Chú công nhân chuyên cần.

Bài 8: Hãy tìm hai thành ngữ, tục ngữ nói về quê hương đất nước. Giải thích và đặt câu với thành ngữ, tục ngữ vừa tìm được.

Bài 9: Xác định từ đơn, từ ghép trong đoạn thơ sau:

"Hạt gạo làng ta
Có vị phù sa
Của sông Kinh Thầy
Có hương sen thơm
Trong hồ nước đầy
Có lời mẹ hát
Ngọt bùi hôm nay"

Bài 10: Xác định từ loại của các từ sau: niềm vui, vui tươi, vui chơi, yêu thương, đáng yêu, tình yêu, thương yêu, dễ thương.

Bài 11:

Bóng mây
Hôm nay trời nắng chang chang
Mẹ em đi cấy phơi lưng cả ngày
Ước gì em hoá đám mây
Em che cho mẹ suốt ngày bóng râm

Đọc bài thơ trên, em thấy được những nét gì đẹp về tình cảm của người con đối với mẹ.

A5: Mở rộng vốn từ: Đồ chơi - trò chơi

Bài 1: Viết tên các trò chơi cho trong ngoặc đơn vào từng cột cho phù hợp: (chuyền thẻ, ô ăn quan, nhảy dây, kéo co, cướp cờ, nhảy lò cò, trốn tìm, cờ vua, tam cúc, chim bay cò bay, mèo đuổi chuột).

A Trò chơi rèn luyện sức khoẻ	B Trò chơi luyện trí tuệ	C Trò chơi rèn luyện sự khéo léo